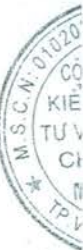


**BẢN SAO**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGHỆ AN  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014

**CHINHÀNH MIỀN TRUNG/ CENTRAL BRANCH:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGHỆ AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25

162-00  
TY TNHH  
KIỂM TOÁN  
TỰ NHẬN  
NHẬN  
TRUNG  
T. NG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Ngọc Sơn	Chủ tịch
Ông Phan Công Phước	Thành viên
Ông Đào Hồ Nam	Thành viên
Bà Văn Thị Thủy	Thành viên
Bà Võ Thị Bích Hương	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Trịnh Ngọc Sơn	Giám đốc
Ông Phan Công Phước	Phó Giám đốc
Ông Đào Hồ Nam	Phó Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nghệ An, ngày 05 tháng 5 năm 2015



**Chi nhánh Miền Trung/ Central Branch:**

P.1301 Chung cư Tháp đôi Dầu khí, số 7 Đ. Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An  
Suite 1301, Petrol Building, 7 Quang Trung Str., Vinh City, Nghe An Province  
Tel: (038) 3 848 810 Fax: (038) 3 560 040

Số: ...../2015/BCKT-UHY ACA MT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Nghệ An được lập ngày 05 tháng 5 năm 2015, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Do được bổ nhiệm sau ngày kết thúc kỳ kế toán, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2014. Chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 31/12/2014, công nợ phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận hết. Công ty cũng chưa tiến hành lập bảng phân tích tuổi nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Số dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán cần phải trích lập theo ước tính của chúng tôi là 4.971.314.015 đồng. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Như trình bày tại thuyết minh số 12, tại thời điểm 31/12/2014, số dư Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các năm trước với số tiền là 2.780.944.298 đồng. Công ty chưa tiến hành xử lý khoản chênh lệch tỷ giá này theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đang treo lại chi phí lãi vay đã phát sinh trên Tài khoản 138 - Các khoản phải thu khác (như trình bày tại thuyết minh số 4) với số tiền là 3.923.231.768 đồng và trên Tài khoản 242 - Chi phí trả trước dài hạn (như trình bày tại thuyết minh số 12) với số tiền là 3.175.743.155 đồng. Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay, chi phí đi vay phải được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về chi phí lãi vay cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Chúng tôi chưa được tiếp cận các bằng chứng hữu hiệu về việc ghi nhận khoản thu nhập khác từ Công ty Lao-Indochinas Group Public (như trình bày tại thuyết minh số 22) với số tiền là 5.416.514.192 đồng và khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T.H.Q (như trình bày tại thuyết minh số 4) với số tiền là 3.246.573.828 đồng. Vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Duy Tuấn,  
Phó Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1951-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA  
- Chi nhánh Miền Trung  
Nghệ An, ngày 05 tháng 5 năm 2015

Đào Thị Hồng Hạnh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2933-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>137.987.213.325</b>	<b>156.581.908.624</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>3.117.461.671</b>	<b>3.371.130.185</b>
111	1. Tiền		2.917.461.671	3.171.130.185
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000	200.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>86.081.475.153</b>	<b>114.981.099.351</b>
131	1. Phải thu khách hàng		20.900.819.450	33.172.041.552
132	2. Trả trước cho người bán		37.410.546.597	65.558.997.798
135	5. Các khoản phải thu khác	4	27.770.109.106	16.255.060.001
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(5.000.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>29.970.972.040</b>	<b>18.941.113.115</b>
141	1. Hàng tồn kho		29.970.972.040	18.959.686.115
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(18.573.000)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>18.817.304.461</b>	<b>19.288.565.973</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		459.086.494	82.969.092
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.016.033.451	4.554.702.622
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6	125.389.626	111.843.702
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	11.216.794.890	14.539.050.557
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>58.735.987.955</b>	<b>64.057.079.642</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.173.885.242</b>	<b>2.207.552.000</b>
218	4. Phải thu dài hạn khác	8	1.173.885.242	2.207.552.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>45.105.816.707</b>	<b>46.119.185.716</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	44.295.597.582	45.457.969.501
222	- Nguyên giá		56.415.886.958	56.666.430.619
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(12.120.289.376)	(11.208.461.118)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	810.219.125	661.216.215
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>3.862.300.000</b>	<b>8.400.000.000</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		3.862.300.000	8.400.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.593.986.006</b>	<b>7.330.341.926</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.593.986.006	7.330.341.926
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>196.723.201.280</b>	<b>220.638.988.266</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>135.680.200.785</b>	<b>157.147.331.835</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>132.969.006.478</b>	<b>150.018.687.942</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	118.687.003.468	121.884.752.870
312	2. Phải trả người bán		6.648.359.218	8.900.114.919
313	3. Người mua trả tiền trước		4.070.517.340	14.742.271.757
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	55.916.000	-
315	5. Phải trả người lao động		-	389.000
316	6. Chi phí phải trả		109.007.123	17.188.575
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	3.398.203.329	4.473.970.821
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.711.194.307</b>	<b>7.128.643.893</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	16	2.411.679.987	7.128.643.893
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		299.514.320	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>61.043.000.495</b>	<b>63.491.656.431</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>61.043.000.495</b>	<b>63.491.656.431</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		66.945.800.000	66.945.800.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		132.218.400	132.218.400
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.035.017.905)	(3.586.361.969)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>196.723.201.280</b>	<b>220.638.988.266</b>

Người lập biểu

Phạm Thị Thủy

Kế toán trưởng

Văn Thị Thủy

Nghệ An, ngày 05 tháng 5 năm 2015



Trịnh Ngọc Sơn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	322.270.105.049	286.046.337.169
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		77.454.543	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	322.192.650.506	286.046.337.169
11	4. Giá vốn hàng bán	19	318.725.199.735	283.515.881.217
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.467.450.771	2.530.455.952
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	3.259.264.344	967.820.626
22	7. Chi phí tài chính	21	3.577.882.856	2.779.974.190
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.577.882.856	2.779.974.190
24	8. Chi phí bán hàng		3.187.278.484	3.171.823.582
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.922.543.078	6.288.981.351
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.960.989.303)	(8.742.502.545)
31	11. Thu nhập khác	22	6.439.351.202	5.923.109.974
32	12. Chi phí khác	23	862.920.745	725.672.874
40	13. Lợi nhuận khác		5.576.430.457	5.197.437.100
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.384.558.846)	(3.545.065.445)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.384.558.846)	(3.545.065.445)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(3.562)	(5.295)

Người lập biểu



Phạm Thị Thủy

Kế toán trưởng



Văn Thị Thủy

Nghệ An, ngày 05 tháng 5 năm 2015

Giám đốc



Trịnh Ngọc Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Theo phương pháp trực tiếp

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	344.773.275.840	306.225.058.319
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(322.892.465.958)	(220.254.472.029)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(4.373.926.805)	(4.863.328.828)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(13.062.858.151)	(11.337.642.727)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	25.648.221.600	20.451.727.355
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(30.016.149.622)	(30.068.740.987)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>76.096.904</b>	<b>60.152.601.103</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(242.667.750)	(2.046.831.412)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	152.100.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(1.130.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	1.130.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.404.942.234	770.211.147
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>1.162.274.484</b>	<b>(1.124.520.265)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	361.770.467.607	245.570.377.117
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(363.262.507.509)	(305.636.910.047)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(951.347.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(1.492.039.902)</b>	<b>(61.017.879.930)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(253.668.514)</b>	<b>(1.989.799.092)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3.371.130.185	5.360.929.277
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3.117.461.671</b>	<b>3.371.130.185</b>

Người lập biểu

Phạm Thị Thủy

Kế toán trưởng

Văn Thị Thủy

Nghệ An, ngày 05 tháng 5 năm 2015



Giám đốc

Trịnh Ngọc Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Thương mại Nghệ An là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900325445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 01 năm 2014.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 5 là: 66.945.800.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:**

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: bán buôn nông, lâm sản; bán buôn thức ăn cho gia súc, gia cầm); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Chi tiết: sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ); Sản xuất xe có động cơ (Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp xe ô tô, mô tô); Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: bán buôn hàng hải sản; bán buôn thực phẩm khác); Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng hải sản); Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Sửa chữa xe ô tô); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: kinh doanh khách sạn); Bán mô tô, xe máy (Chi tiết: mua bán mô tô, xe máy, xe 3 bánh gắn máy); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: dịch vụ ăn uống); Điều hành tua du lịch (Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán thiết bị phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp, nông nghiệp); Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: khai thác khoáng sản); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật); Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Chi tiết: kinh doanh dịch vụ vật lý trị liệu); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chi tiết: dịch vụ cho thuê kho bãi; giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng công trình giao thông); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng, hoặc đi thuê; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: gia công cơ khí máy móc, thiết bị phục vụ ngành công nông nghiệp); Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: phòng hát karaoke); Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: vận tải hành khách bằng taxi); Vận tải bằng xe buýt; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: mua bán hàng thủ công mỹ nghệ); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn gạo; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Công ty có trụ sở chính và chi nhánh ở các địa điểm sau:

**Trụ sở/Chi nhánh**

**Địa điểm**

Văn phòng	Số 19, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp ô tô xe máy thương mại	Km6 Quốc lộ 1A, Xóm 15, xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp dịch vụ thương mại	Số 149, đường Đặng Thái Thân, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp ô tô thương mại	Số 58, đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Khách sạn Sài Gòn Thương mại	Số 19, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 130 người (tại ngày 31/12/2013 là 104 người).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2.2 . Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.3 . Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2.4 . Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

**Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.



62-  
TY TN  
TOÁN  
LƯU  
NHÀ  
TRU  
T.T.N

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.8 . Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05-50 năm
- Máy móc, thiết bị 05-60 năm
- Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn 05-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03-10 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

**2.11 . Chi phí trả trước**

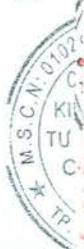
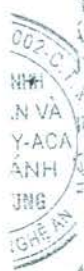
Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**2.12 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**2.13 . Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN****2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**2.15 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.16 . Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

H H H

021052  
CÔNG TY  
EM TO  
VĂN UH  
HI NH  
MIỄN TI  
VINH-T

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**2.17 . Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.475.915.982	2.708.154.222
Tiền gửi ngân hàng	418.625.689	462.975.963
Tiền đang chuyển	22.920.000	-
Các khoản tương đương tiền	200.000.000	200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.117.461.671</b>	<b>3.371.130.185</b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu Công ty CP Toyota Vinh	2.452.176.000	1.544.920.000
Phải thu về tỷ lệ nội địa hóa	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T.H.Q	3.246.573.828	-
Công ty CP Đầu tư Môi trường Xanh 27/7	2.165.099.680	-
Phải thu về lãi vay	3.923.231.768	5.412.543.010
Phải thu cá nhân khác	10.491.703.028	3.695.480.090
Đặng Hồng Kỳ	138.600.000	152.600.000
Đậu Tiến Dũng	7.293.627.347	2.707.841.142
Phan Công Phước	3.007.154.432	763.157.648
Võ Quang Tuấn	30.500.000	30.500.000
Các cá nhân khác	21.821.249	41.381.300
Phải thu khác	591.324.800	702.116.901
<b>Tổng</b>	<b>27.770.109.104</b>	<b>16.255.060.001</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9.465.860.221	2.032.565.823
Nguyên liệu, vật liệu	763.193.763	964.593.206
Công cụ, dụng cụ	12.172.384	189.436.956
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	147.202.296	135.282.203
Hàng hóa	19.582.543.376	15.637.807.927
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(18.573.000)
<b>Tổng</b>	<b>29.970.972.040</b>	<b>18.941.113.115</b>

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.558.213	111.843.702
Thuế thu nhập cá nhân	11.831.415	-
<b>Tổng</b>	<b>125.389.628</b>	<b>111.843.702</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	10.941.152.979	11.272.816.960
Tạm ứng	275.641.911	3.170.611.317
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	95.622.280
<b>Tổng</b>	<b>11.216.794.890</b>	<b>14.539.050.557</b>

(\*) Chi phí liên quan đến 1.000 tấn tinh bột sắn bị mất.

**8 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Môi trường Xanh 27/7	1.166.333.242	2.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	7.552.000	7.552.000
<b>Tổng</b>	<b>1.173.885.242</b>	<b>2.207.552.000</b>

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 1

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng, sửa chữa khách sạn Sài Gòn - Thương mại	810.219.125	661.216.215
<b>Tổng</b>	<b>810.219.125</b>	<b>661.216.215</b>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào liên doanh, liên kết	3.862.300.000	8.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	3.862.300.000	8.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.862.300.000</b>	<b>8.400.000.000</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Toyota Vinh, tương đương 16,09% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Toyota Vinh.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá	2.780.944.298	4.486.653.798
Lãi vay	3.175.743.155	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.637.298.553	2.843.688.128
<b>Tổng</b>	<b>8.593.986.006</b>	<b>7.330.341.926</b>

**13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		
Ngân hàng TMCP Phương Đông (*)	51.480.323.861	37.833.307.803
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (**)	58.365.094.607	74.228.300.567
Vay cá nhân (***)	8.841.585.000	9.823.144.500
<b>Tổng</b>	<b>118.687.003.468</b>	<b>121.884.752.870</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(\*) Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0103/2004/HĐHTDHM ngày 27/5/2014. Hạn mức tín dụng là 55.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh nông sản, ô tô và xe máy các loại. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 27/5/2014. Lãi suất vay áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ. Hình thức đảm bảo tín dụng bao gồm: tài sản ký quỹ bằng tiền và Tài sản thế chấp.

(\*\*) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD143000085 ngày 20/11/2014. Hạn mức tín dụng là 58.400.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn và lãi suất vay được thỏa thuận theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản.

(\*\*\*) Khoản vay các cá nhân: thời hạn và lãi suất vay được thỏa thuận theo từng hợp đồng vay cụ thể.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃU SỐ B 09-DN**

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	55.916.000	-
<b>Tổng</b>	<b>55.916.000</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.364.476	14.208.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	338.337.043	186.096.962
Công ty mua bán nợ Trung Ương	-	254.459.234
Công ty CP Toyota Vinh	2.944.671.308	3.922.384.308
Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.830.502	96.822.317
<b>Tổng</b>	<b>3.398.203.329</b>	<b>4.473.970.821</b>

**16 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả tiền cổ phần Cán bộ Công nhân viên	-	4.537.700.000
Công ty CP Đầu tư Môi trường Xanh 27/7	2.030.540.332	2.033.314.893
Các khoản phải trả, phải nộp khác	381.139.655	557.629.000
<b>Tổng</b>	<b>2.411.679.987</b>	<b>7.128.643.893</b>

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Dư đầu năm trước	66.945.800.000	132.218.400	363.019.067	67.441.037.467
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	(3.545.065.445)	(3.545.065.445)
Tăng khác	-	-	38.923.946	38.923.946
Giảm khác	-	-	(443.239.537)	(443.239.537)
<b>Dư cuối năm trước</b>	<b>66.945.800.000</b>	<b>132.218.400</b>	<b>(3.586.361.969)</b>	<b>63.491.656.431</b>
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	(2.384.558.846)	(2.384.558.846)
Tăng khác	-	-	100	100
Giảm khác (*)	-	-	(64.097.190)	(64.097.190)
<b>Dư cuối năm nay</b>	<b>66.945.800.000</b>	<b>132.218.400</b>	<b>(6.035.017.905)</b>	<b>61.043.000.495</b>

(\*) Chia lãi kinh doanh bột sắn cho Xí nghiệp ô tô Vinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	59.742.200.000	89,24	59.742.200.000	89,24
Vốn góp của các đối tượng khác	7.203.600.000	10,76	7.203.600.000	10,76
- Công ty CP Thương mại và XNK Miền Bắc	400.000.000	0,60	400.000.000	0,60
- Trịnh Ngọc Sơn	433.200.000	0,65	433.200.000	0,65
- Phan Công Phước	264.200.000	0,39	264.200.000	0,39
- Mai Văn Biên	200.000.000	0,30	200.000.000	0,30
- Các cổ đông khác	5.906.200.000	8,82	5.906.200.000	8,82
<b>Tổng</b>	<b>66.945.800.000</b>	<b>100,00</b>	<b>66.945.800.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	66.945.800.000	66.945.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	66.945.800.000	66.945.800.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	669.458	669.458
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	669.458	669.458
- Cổ phiếu phổ thông	669.458	669.458
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	669.458	669.458
- Cổ phiếu phổ thông	669.458	669.458
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 VND / cổ phiếu		

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	132.218.400	132.218.400

**18 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	312.013.702.266	277.714.118.965
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.256.402.783	8.332.218.204
Các khoản giảm trừ	77.454.543	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>322.192.650.506</b>	<b>286.046.337.169</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	315.069.549.457	277.258.109.429
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.655.650.278	6.257.771.788
<b>Tổng</b>	<b>318.725.199.735</b>	<b>283.515.881.217</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.942.234	62.206.978
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	3.254.322.110	897.231.663
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	8.381.985
<b>Tổng</b>	<b>3.259.264.344</b>	<b>967.820.626</b>

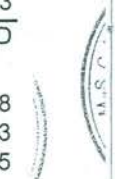
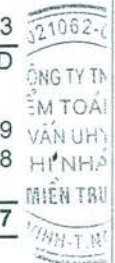
(\*) Trong đó: Cổ tức năm 2014 từ Công ty Cổ phần Toyota Vinh là 2.275.428.000 đồng, Lợi nhuận thu được của Công ty CP Đầu tư Môi trường Xanh 2717 từ hợp đồng liên doanh là 978.904.110 đồng.

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	3.577.882.856	2.779.974.190
<b>Tổng</b>	<b>3.577.882.856</b>	<b>2.779.974.190</b>

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền thu phạt vi phạm hợp đồng	-	3.112.090.909
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	902.628.174	2.357.885.186
Thanh lý tài sản	-	152.100.000
Thu nhập do Công ty Lao-Indochina Group Public vi phạm hợp đồng	5.416.514.192	-
Thu khác	120.208.836	301.033.879
<b>Tổng</b>	<b>6.439.351.202</b>	<b>5.923.109.974</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**23 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Phạt vi phạm hợp đồng	-	475.000.000
Phạt thuế, truy thu thuế	11.550.263	98.135.144
Thanh lý tài sản	-	149.793.420
Chi phí sửa chữa khách sạn Sài Gòn Thương mại	821.248.714	2.744.310
Chi phí khác	30.121.768	-
<b>Tổng</b>	<b>862.920.745</b>	<b>725.672.874</b>

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

**Thuế suất**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty năm 2014 là 22% lợi nhuận chịu thuế.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(2.384.558.846)</b>	<b>(3.545.065.445)</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	-	-
<b>Điều chỉnh giảm</b>	-	-
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>(2.384.558.846)</b>	<b>(3.545.065.445)</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(2.384.558.846)	(3.545.065.445)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.384.558.846)	(3.545.065.445)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	669.458	669.458
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.562)</b>	<b>(5.295)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.117.461.671	-	3.371.130.185	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.844.813.803	-	51.634.653.553	(5.000.000)
<b>Tổng</b>	<b>52.962.275.474</b>	<b>-</b>	<b>55.005.783.738</b>	<b>(5.000.000)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	118.687.003.468	121.884.752.870
Phải trả người bán, phải trả khác	12.458.242.533	20.502.729.633
Chi phí phải trả	109.007.123	17.188.575
<b>Tổng</b>	<b>131.254.253.124</b>	<b>142.404.671.078</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

21062-G  
NG TY TH  
M TOÁN  
ÁN UHY  
II NHÀ  
IÊN TRU  
NH-T.NC

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.117.461.671	-	-	3.117.461.671
Phải thu khách hàng, phải thu khác	48.670.928.561	1.173.885.242	-	49.844.813.803
<b>Tổng</b>	<b>51.788.390.232</b>	<b>1.173.885.242</b>	<b>-</b>	<b>52.962.275.474</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.371.130.185	-	-	3.371.130.185
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.427.101.553	2.207.552.000	-	51.634.653.553
<b>Tổng</b>	<b>52.798.231.738</b>	<b>2.207.552.000</b>	<b>-</b>	<b>55.005.783.738</b>

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	118.687.003.468	-	-	118.687.003.468
Phải trả người bán, phải trả khác	10.046.562.546	2.411.679.987	-	12.458.242.533
Chi phí phải trả	109.007.123	-	-	109.007.123
<b>Tổng</b>	<b>128.842.573.137</b>	<b>2.411.679.987</b>	<b>-</b>	<b>131.254.253.124</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	121.884.752.870	-	-	121.884.752.870
Phải trả người bán, phải trả khác	13.374.085.740	7.128.643.893	-	20.502.729.633
Chi phí phải trả	17.188.575	-	-	17.188.575
<b>Tổng</b>	<b>135.276.027.185</b>	<b>7.128.643.893</b>	<b>-</b>	<b>142.404.671.078</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

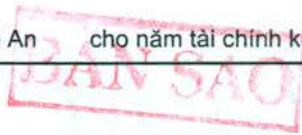
Trong năm Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

- Công ty Cổ phần Toyota Vinh: là Công ty liên kết mà Công ty CP Thương mại Nghệ An đầu tư 35% vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Môi trường Xanh 27/7: là Công ty hợp tác kinh doanh với Công ty CP Thương mại Nghệ An theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh khách sạn, du lịch, nhà hàng ... trong khuôn viên Khách sạn Sài Gòn Thương mại;
- Ông Phan Công Phước: Thành viên Hội đồng quản trị.

Khoản mục	Dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư cuối năm
<b>Công ty CP Toyota Vinh</b>				
Phải thu	1.544.920.000	3.882.256.000	2.975.000.000	2.452.176.000
Phải trả	3.922.384.308	597.287.000	1.575.000.000	2.944.671.308
<b>Công ty CP Đầu tư Môi trường Xanh 27/7</b>				
Phải thu	2.200.000.000	978.904.110	-	3.178.904.110
Phải trả	2.033.314.893	2.918.470	5.693.031	2.030.540.332
<b>Ông Phan Công Phước</b>				
Phải thu	763.157.648	2.243.996.784	-	3.007.154.432

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	423.540.524	448.737.569



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung).

2-002  
Y TNHH  
DÁN V  
HỖ-A  
HÀNH  
TRUNG  
NGHỆ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 05 tháng 5 năm 2015

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Phạm Thị Thủy

Văn Thị Thủy

Trịnh Ngọc Sơn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH

NGÀY 19-04-2016

Số Chứng Thực 603/Quyển 01



Nguyễn Bá Trường

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>39.946.543.587</b>	<b>14.524.720.063</b>	<b>2.007.971.974</b>	<b>187.194.995</b>	<b>56.666.430.619</b>
Số tăng trong năm	93.664.840	-	-	-	93.664.840
- Mua trong năm	30.901.841	-	-	-	30.901.841
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	62.762.999	-	-	-	62.762.999
Số giảm trong năm	(184.008.790)	(94.351.524)	-	(65.848.187)	(344.208.501)
- Giảm khác	(184.008.790)	(94.351.524)	-	(65.848.187)	(344.208.501)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.856.199.637</b>	<b>14.430.368.539</b>	<b>2.007.971.974</b>	<b>121.346.808</b>	<b>56.415.886.958</b>
<b>Trong đó:</b>					
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	196.019.263	291.595.041	-	121.346.808	608.961.112
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.206.336.672</b>	<b>4.120.910.416</b>	<b>711.761.178</b>	<b>169.452.852</b>	<b>11.208.461.118</b>
Số tăng trong năm	641.716.153	350.453.927	155.755.472	6.307.072	1.154.232.624
- Khấu hao trong năm	641.716.153	350.453.927	155.755.472	6.307.072	1.154.232.624
Số giảm trong năm	(137.333.561)	(50.657.689)	-	(54.413.116)	(242.404.366)
- Giảm khác	(137.333.561)	(50.657.689)	-	(54.413.116)	(242.404.366)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.710.719.264</b>	<b>4.420.706.654</b>	<b>867.516.650</b>	<b>121.346.808</b>	<b>12.120.289.376</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	33.740.206.915	10.403.809.647	1.296.210.796	17.742.143	45.457.969.501
Tại ngày cuối năm	33.145.480.373	10.009.661.885	1.140.455.324	-	44.295.597.582

